

Số: 231/2022/QĐST-HN&GD

Phổ Yên, ngày 19 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 299/2022/TLST-HN&GD, ngày 25 tháng 11 năm 2022 giữa:

**Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thu T, sinh năm 2000;**

ĐKHKT: Xóm La Đành, xã Hoá Trung, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên;

ĐK tạm trú: TDP Giữa, phường Đồng Tiến, T.P Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1997;**

ĐKHKT: Thôn Tân Long, thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang;

ĐK tạm trú: TDP Giữa, phường Đồng Tiến, T.P Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, Điều 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2022;

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Ngô Thị Thu T và anh Nguyễn Đăng T.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thu T và anh Nguyễn Đăng T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có cơ hội đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung. Đề nghị thoả thuận thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Chị Ngô Thị Thu T và anh Nguyễn Đăng T xác định quá trình chung sống có 01 con chung: cháu Nguyễn Bảo Thanh, sinh ngày 05/6/2020. Chị T, anh T thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 05/6/2020 cho chị Ngô Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận việc anh Nguyễn Đăng T tự nguyện thỏa thuận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

*Thời điểm thực hiện cấp dưỡng*: Kể từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc khi chị Thảo có yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

*Về lãi suất chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị T, anh T thỏa thuận tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật trong trường hợp anh Thế không nộp tiền cấp dưỡng theo thỏa thuận ghi nhận khi chị Thảo có đơn đề nghị thi hành án.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với xác khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. *Về tài sản chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.4. *Về nợ chung, khoản cho vay chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.5. *Về án phí*: Chị Ngô Thị Thu T và anh Nguyễn Đăng T thỏa thuận: Chị T tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị T được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001262 ngày 25/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên. Xác nhận đã nộp đủ.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

*Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện*

*thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND T.P Phổ Yên;
- THADS T.P Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND thị trấn Vĩnh Tuy, Bắc Quang, Hà Giang;  
(ĐKKH số 67, ngày 18/9/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Hà**